TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘTĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 43/2025/QĐST-HNGĐ *T, ngày 23 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự (HNGĐ) thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Số A đường D, Tổ A, Khu D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Nguyễn Thị B, Đường số C, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Đặng Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Số A đường D, Tổ A, Khu D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Đặng Minh T chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 03/12/2014.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc, quan tâm, lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng tháng 5/2023, bà C, ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà C ra ngoài sinh sống và sống ly thân với ông T từ tháng 5/2023 cho đến nay. Hiện nay, bà C, ông T nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn tình cảm ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và nuôi con: Trong thời gian chung sống, bà C và ông T có 01 con chung Đặng Minh H (nam), sinh ngày 17/01/2015. Sau khi ly hôn, bà C và ông T thỏa thuận con chung giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Đặng Minh T thuận tình ly hôn.

(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014, đăng ký ngày 03/12/2014 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương)

- Về con chung và nuôi con: Ông T được trực tiếp nuôi con chung Đặng Minh H (nam), sinh ngày 17/01/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà C. Bà C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của ông T. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà C, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà C, ông T mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008855 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND P. Hòa Phú, TP . TDM, BD;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT

. **Trần Thanh Bình**